

Số: /GPMT-SNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/09/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 25/03/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND cấp xã giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-SNNMT ngày 26/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 496/QĐ-SNNMT ngày 05/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội; Quyết định số 479/QĐ-SNNMT ngày 03/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công công tác giữa Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 19/05/2026 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao phụ trách và điều hành Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Xét Văn bản số 72/CV-TGD ngày 26/03/2026 của Công ty Liên doanh Tháp ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở: "Tòa tháp BIDV"; Văn bản số 150/CV-BQL ngày 21/05/2026 của Công

ty Liên doanh Tháp ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam về việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Liên doanh Tháp ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, địa chỉ trụ sở tại: Tầng 13, tháp BIDV số 194 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Tòa tháp BIDV” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: “Tòa tháp BIDV”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 194 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.3. Công ty Liên doanh Tháp ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101839264 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 02/11/2005, cấp thay đổi lần thứ tư ngày 07/08/2024.

1.4. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp: 0101839264.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Tòa nhà văn phòng Công ty và văn phòng cho thuê.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích đất của Cơ sở là 2.532 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số quản lý: AB082688 của UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 22/9/2005).

- Diện tích xây dựng là 1.334,7 m², tổng diện tích sàn xây dựng là 26.433 m² (không bao gồm diện tích các tầng hầm) với quy mô 25 tầng nổi, 02 tầng hầm và 01 tầng hầm lửng. Các hạng mục tầng hầm sử dụng làm nơi đỗ xe và bố trí các khu vực kỹ thuật, tầng 1 bố trí sảnh ngân hàng, sảnh văn phòng cho thuê và sảnh giao dịch, tầng 2 đến tầng 7 là các tầng văn phòng dành cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; tầng 8 đến tầng 23 là các tầng văn phòng cho thuê, tầng 24 bố trí phòng họp lớn và câu lạc bộ ngân hàng, tầng 25 bố trí phòng ăn lớn và các khu kỹ thuật.

- Chiều cao toàn bộ công trình là 106m, trong đó chiều cao các tầng như sau: Tầng hầm B2 là 4,7m; tầng hầm B1 kết hợp với tầng lửng là 5,8m; chiều cao các tầng điển hình là 3,8m; riêng chiều cao tầng 1 và tầng 24 là 5m.

(Theo Văn bản số 735/QĐ-BXD ngày 05/05/2006 của Bộ Xây dựng về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật của công trình)

- Cơ sở có tiêu chí như dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm các yêu cầu bảo vệ môi trường với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh:

Cơ sở không thuộc trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Liên doanh Tháp ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Liên doanh Tháp ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Kể từ ngày cấp phép đến hết ngày tháng năm 2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Hoàn Kiếm tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- Phòng Quản lý môi trường;
- Văn phòng Sở (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở);
- Trung tâm PV HCC thành phố Hà Nội;
- UBND phường Hoàn Kiếm;
- Công ty Liên doanh Tháp ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam;
- Lưu: VT, HS_{Hương};
- MHS: H.26.103-260328-100143

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-SNNMT ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ xí, tiểu từ tầng 01 đến tầng 25 và nhà vệ sinh tại tầng hầm B1, B2.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ thoát sàn và chậu rửa (lavabor) từ tầng 01 đến tầng 25 và nước thải từ hoạt động vệ sinh phòng rác tầng hầm B1;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (chứa dầu mỡ) từ khu bếp, nhà ăn, căng tin;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng thải

Toàn bộ nước thải của Cơ sở (nguồn số 01, nguồn số 02, nguồn số 03) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 220 m³/ngày đêm để xử lý sau đó chảy vào môi trường tại 01 điểm xả thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước của thành phố nằm trên đường Hàng Vôi thuộc phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung khu vực trên đường Hàng Vôi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

- Tọa độ vị trí thoát nước thải: X = 2 326 484; Y = 588.863 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 220 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,0 áp dụng với trụ sở cơ quan, văn phòng hành chính có diện tích sàn xây dựng >10.000 m²).

- Chủ cơ sở phải có phương án, lộ trình nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải sau khi được xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 14:2025/BTNMT (cột B, Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung và QCVN 40:2025/BTNMT (cột B, Bảng 2) - Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

| TT | Thông số | Đơn vị | Giá trị giới hạn theo | | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục | | |
|-----------|---|----------------|--|---|--|--|--|--|
| | | | QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, K=1) | QCVN 14: 2025/BTNMT (Bảng 2, cột B) | | | | |
| 1 | Lưu lượng | | - | - | | | | |
| 2 | pH | - | 5 – 9 | 5 - 9 | | | | |
| 3 | BOD ₅ (20 ⁰ C) | mg/l | 50 | ≤35 | | | | |
| 4 | Chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 100 | ≤60 | | | | |
| 5 (**) | Nhu cầu ôxy hóa học (COD) | mg/l | - | ≤90 | | | | |
| | hoặc Tổng Carbon hữu cơ (TOC) | | - | ≤ 45 | | | | |
| 6 | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 1000 | - | | | | |
| 7 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 10 | ≤8,0 | Không thuộc đối tượng thực hiện (*) | Không thuộc đối tượng thực hiện (*) | | |
| 8 | Tổng Nitơ (T-N) | mg/l | - | ≤30 | | | | |
| 9 | Tổng Phốt pho (T-P) | mg/l | - | ≤6,0 | | | | |
| 10 | Sunfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 4 | ≤0,5 | | | | |
| 11 | Nitrat (tính theo N) | mg/l | 50 | - | | | | |
| 12 | Dầu mỡ động thực vật | mg/l | 20 | ≤15 | | | | |
| 13 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 10 | ≤5,0 | | | | |
| 14 | Phosphat (tính theo P) | mg/l | 10 | - | | | | |
| 15 | Tổng Coliforms | MPN/ 100 ml | 5.000 | ≤5.000 | | | | |
| II | Áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT (Bảng 2, cột B) | | | | | | | |
| 16 | Chloroform | mg/l | - | ≤ 0,8 | | | | |
| 17 | Clo dư | mg/l | - | ≤ 2,0 | | | | |

(*): Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

(**): Tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng TOC hoặc COD.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Thiết kế hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Nguồn số 01:

+ Nước thải sinh hoạt (xí, tiêu) từ các nhà vệ sinh từ tầng 01 đến tầng 25 → Ống PVC D160 → Ống trực đứng D160 xuống hầm B1 → Ngăn lắng của bể kỵ khí, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 220 m³/ngày đêm đặt tại tầng hầm B1.

+ Nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh tại hầm B1 và B2 → Đường ống PVC D160 → Tự chảy xuống hố bơm nước thải tại tầng hầm B2 → Bơm về đường ống PVC D60 → Ngăn lọc kỵ khí, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 220 m³/ngày đêm tại tầng hầm B1.

- Nguồn số 02:

+ Nước thải phát sinh từ thoát sàn và chậu rửa (lavabor) từ tầng 01 đến tầng 25 → đường ống PVC D110 → Trục đứng D160 xuống hầm B1 → Ngăn lọc của bể kỵ khí, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 220 m³/ngày đêm đặt tại tầng hầm B1.

+ Trên hệ thống trục thoát sàn của tòa nhà tại tầng hầm B1, nước thải vệ sinh phòng rác tại hầm B1 → Ống PVC D160 (của trục thoát nước sàn từ các tầng 01 đến tầng 25) → Ngăn lọc của bể kỵ khí, hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 220 m³/ngày đêm đặt tại tầng hầm B1.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (chứa dầu mỡ) từ khu bếp, nhà ăn, căng tin → Đường ống PVC D75 → Đường ống trực đứng D160 → Bể tách mỡ có thể tích 6,5 m³ đặt tại tầng hầm B1 → Đường ống PVC D100 → Tự chảy xuống hố bơm nước thải tại tầng hầm B2 → Bơm về đường ống PVC D60 → Ngăn lọc kỵ khí, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 220 m³/ngày đêm tại tầng hầm B1.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 220 m³/ngày đêm tại tầng hầm B1 xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn được bơm theo đường ống PVC D100 ra hố ga thoát nước G4 sau đó theo cống D400 tự chảy ra hố ga đầu nối, điểm xả nước thải tự chảy vào hệ thống thoát nước chung D600 trên đường Hàng Vôi, phường

Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ:

a) Bể tách mỡ: 01 bể

- Kích thước: D x R x H = (2,5x2,0x1,3)m; thể tích 6,5 m³. Vật liệu Composite 3 ngăn.

- Vị trí xây dựng tại tầng hầm B1 của tòa nhà.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vi sinh (microbe-lift IND, Vi sinh Microbe lift DGTT) hoặc các hóa chất có thể thay thế tương đương.

b) Hồ bơm nước thải tại hầm B2:

+ Kích thước: D x R x H = (1,0x1,0x1,4)m; thể tích 1,4 m³. Vật liệu BTCT.

+ Vị trí xây dựng tại tầng hầm B2 của tòa nhà.

+ Thống số bơm: 02 bơm nước thải (chạy luân phiên), Q= 8,6 lít/s; H=17; Điện áp: 3 pha/400V/50Hz/2.2 kW. Hãng: Grundfos

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Công suất thiết kế: 220 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Phương pháp xử lý sinh học kỵ khí – hiếu khí kết hợp (AAO)

- Quy trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải (sau xử lý sơ bộ) → Bể kỵ khí có ngăn lọc → Ngăn bơm → Bể Aeroten → Bể lắng lamen → Ống trộn Clo – Javen chlorine → Ngăn tiếp xúc chứa nước thải và bơm → Hồ ga thoát nước thải → Hệ thống thoát nước chung khu vực trên đường Hàng Vôi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo viên - Javen chlorine; Chất dinh dưỡng (mật rỉ đường); vi sinh (microbe-lift IND, microbe-lift N1) hoặc các hóa chất có thể thay thế tương đương.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với hệ thống xử lý nước thải theo Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/07/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Có biện pháp ứng phó sự cố kỹ thuật đối với hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống hoạt động không đạt yêu cầu hoặc ngừng hoạt động, chất lượng

nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc hoặc vận hành (nước thải sẽ được bơm lưu giữ tạm thời tại các bể chứa trong hệ thống xử lý nước thải). Nếu sự cố của hệ thống xử lý nước thải kéo dài, Chủ dự án cam kết có biện pháp thu gom xử lý nước thải và không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 06/01/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Công ty Liên doanh Tháp ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải an toàn và đạt quy chuẩn về chất lượng nước thải của Cơ sở.

3.4. Đảm bảo các hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở phải được vận hành thường xuyên, liên tục, ổn định; Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Hệ thống xử lý khí thải được lắp đặt đồng bộ với máy phát điện dự phòng.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng để thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

PHỤ LỤC 3**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT
ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Đối với máy phát điện dự phòng: Để giảm thiểu tiếng ồn, rung khi hoạt động cần thực hiện các biện pháp sau:

- Máy phát điện sử dụng loại máy trần, cách âm và cách nhiệt.
- Sử dụng móng bê tông vững chắc và đệm giảm chấn để chống ồn và rung.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hư hỏng.
- Bố trí không gian cây xanh, cảnh quan vừa giúp lọc không khí và tạo cảnh quan cho khu vực dự án, vừa làm giảm tác động của tiếng ồn và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-SNNMT
ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

| TT | Chất thải | Trạng thái tồn tại | Mã CTNH | Khối lượng (kg/năm) |
|----|---|--------------------|----------|---------------------|
| 1 | Pin, ắc quy chì thải | Rắn | 16 01 12 | 15 |
| 2 | Bao bì nhựa cứng (đã chứa hóa chất thải/CTNH) thải | Rắn | 18 01 03 | 50 |
| 3 | Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại (bao gồm cả vật liệu lọc dầu), chất hấp thụ, vật liệu lọc | Rắn | 18 02 01 | 25 |
| 4 | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | Rắn | 16 01 06 | 120 |
| 5 | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | Lỏng | 17 02 03 | 80 |
| | Tổng: | | | 290 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải và bể tách mỡ: khoảng 193 m³/năm.
- Chất thải rắn thông thường thải như: Bao bì giấy, thùng carton thải, bàn ghế gỗ thải,...: khoảng 250 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 600 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 05 thùng chứa dung tích 100 lít đến 240 lít và can chứa loại 20 lít có dán tên, mã CTNH, biển cảnh báo theo đúng quy định.

2.1.2. 2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

Bố trí 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 12 m², vị trí tại hầm B1 của tòa nhà.

- Kho chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày

29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định hiện hành; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại ngăn lắng của bể kỵ khí của hệ thống xử lý nước thải tại hầm B1 và bùn của bể tách mỡ được lưu chứa tại ngăn lắng của bể tách mỡ. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường có thể tái chế phát sinh thường xuyên (giấy báo thải, thùng carton thải) được thu gom về 01 thùng chứa loại 1000 lít để trong 1 khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường tại kho chứa rác thải sinh hoạt. Với chất thải không thường xuyên (bàn ghế gỗ thải, vật liệu xây dựng (thạch cao) thải,...) phát sinh theo từng đợt cải tạo, bảo dưỡng tòa nhà được thuê đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom ngay trong ngày phát sinh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Tại mỗi văn phòng cho thuê được bố trí các thùng đựng rác dung tích 10-30 lít/thùng; Tại mỗi tầng bố trí thùng rác dung tích 60-100 lít/thùng; Rác thải từ nhà bếp được thu gom và các thùng chứa dung tích 240 lít/thùng. Các thùng chứa có ghi nhãn mác để phân loại theo quy định.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu chứa chất rắn sinh hoạt diện tích 30 m², vị trí tại hầm B1 của tòa nhà. Tại khu vực chứa tập trung, bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy với thể tích mỗi thùng khoảng 240 - 1000 lít. Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Tần suất thu gom: hàng ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Kho/Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải phải thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt

cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì nội dung kế hoạch phải đảm bảo có đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chuẩn bị trang thiết bị cần thiết, thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thường xuyên theo quy định tại các Điều 121, 122, 124, 125, 126 và 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường) và các quy định khác của pháp luật có liên quan; bao gồm thực hiện các trách nhiệm về tổ chức ứng phó sự cố và phục hồi môi trường sau sự cố (nếu xảy ra sự cố).

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện, ngập úng, dịch bệnh, rủi ro do thiên tai theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT
ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở.
2. Quá trình vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).
6. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.
7. Công khai, công bố thông tin về môi trường theo quy định tại Điều 96, Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.
8. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.
9. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.